

Bản án số: 143/2020/DS-ST
Ngày: 04-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Lâm Sơn;
2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 358/2020/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa 345/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp TH, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn D: Ông Bùi Quốc N, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số 423, ấp MH, thị trấn ML, huyện CM, tỉnh An Giang (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2020) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp Đ, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2.2. Bà Trần Thị G, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp Đ, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải, ông Bùi Quốc N đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2017, 2018 ông Trần Văn D có bán cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị G các loại sản phẩm như rổ nhựa, xốp, giấy ngăn, dây rút dùng để đựng xoài. Việc mua bán có làm hóa đơn. Đến ngày 17/11/2018 thì ngưng không còn mua bán nữa. Tổng kết sổ vợ chồng ông T, bà G còn nợ ông D số tiền 179.504.000 đồng sau đó hai bên ký vào hóa đơn tổng kết nợ. Ông D có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà G không trả. Nay ông đại diện theo ủy quyền của Trần Văn D cầu vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị G trả cho ông D số tiền mua bán còn thiếu là 179.504.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Văn T, bà Trần Thị G đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của ông, bà về nội dung đơn khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ông Trần Văn T, bà Trần Thị G. Ông T, bà G có nơi cư trú tại ấp Đ, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CM thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp, tại đơn khởi kiện và các biên lai mua bán nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền mua bán rổ nhựa, xốp, giấy ngăn, dây rút dùng để đựng xoài. Do đó, vụ án được xác định là tranh chấp giao dịch dân sự về Hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

[3] Về nội dung, hợp đồng mua bán được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng mua bán hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay ông Nam đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông T, bà G trả nợ gốc 179.504.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ 01/12/2018 cho đến ngày xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo hợp đồng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T, bà G không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của người mua theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết, làm thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Mặc khác, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông D

yêu cầu khởi kiện và triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông, bà cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông D và vắng mặt không lý do. Do đó, ông Trần Văn D khởi kiện ông T, bà G trả tiền nợ mua bán 179.504.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ngoài yêu cầu trả vốn ông Trần Văn D còn yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/12/2018 cho đến khi xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này là có căn cứ, do ông T, bà G chậm thực hiện nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông D nên việc ông D yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, hợp đồng mua bán của hai bên không thỏa thuận lãi suất nên cần áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất và tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 01/12/2018 đến ngày 04/9/2020 là 643 ngày; số tiền lãi được tính: $179.504.000 \text{ đồng} \times 0,028\%/\text{ngày} (10\% \text{ năm} / 12 \text{ tháng} / 30 \text{ ngày}) \times 643 \text{ ngày} = 32.061.000 \text{ đồng}$.

Từ cơ sở trên nghĩ nên buộc ông Trần Văn T, bà Trần Thị G có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D số tiền vốn 179.504.000 đồng và tiền lãi 32.061.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T, bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D và xử như sau:

Buộc ông Trần Văn T và bà Trần Thị G có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Trần Văn D nợ gốc: 179.504.000 đồng, tiền lãi 32.061.000 đồng, tổng cộng: 211.565.000đ (Hai trăm mười một triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Trần Văn T, bà Trần Thị G phải chịu 10.578.000đ (Mười triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn) đồng.

Hoàn lại cho ông Trần Văn D tiền tạm ứng án phí 4.487.000 (Bốn triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn) đồng mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0008346, ngày 12/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND H. CM;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. CM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Văn Dương

